TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST Ngày: 11/12/2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng

2. Ông Lê Văn Hùng

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện V.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2018/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 1995; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 334 ấp A, xã B, huyện V, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh P, sinh năm: 1992; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 304 ấp A, xã B, huyện V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2018 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Chị N và anh P tự nguyện cưới nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt về ngược đãi vợ con dẫn đến vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống và thật sự xa nhau từ tháng 02/2018 đến nay. Quá trình sống chung chị N và anh P có 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017, hiện hai con đang sống

với chị N. Nay chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Thanh P, về con chung chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình tố tụng anh Bùi Thanh P trình bày:

Anh P và chị N tự nguyện cưới nhau vào năm 2014, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau và có 02 lần anh P đánh chị N dẫn đến vợ chồng ly thân từ đầu tháng 3/2018 đến nay. Quá trình sống chung anh P và chị N có 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017, hiện đang sống với chị N. Nay anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì về con chung anh P đồng ý giao 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh P không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Việc chị Lê Thị Mỹ N xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Bùi Thanh P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh P thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh P có địa chỉ cư trú tại số 304, ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về hôn nhân;

Xét thấy chị Lê Thị Mỹ N và anh Bùi Thanh P tự nguyện sống với nhau như vợ chồng, anh chị đã đủ các điều kiện đăng ký kết hôn theo luật định nhưng anh chị không tiến hành đăng ký và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh P, anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N và việc anh P không đồng ý ly hôn là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó đường lối xét xử là không công nhận chị Lê Thị Mỹ N với anh Bùi Thanh P là quan hệ vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị N xác định chị N và anh P có 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017, hiện đang sống với chị N. Chị N và anh P thống nhất giao con tên Lê Văn T và Lê Thị Phương N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy sự tự nguyện của chị N và anh P về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng của chị N là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 81, 82, 83,107 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Mỹ N với anh Bùi Thanh P là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện giữa chị Lê Thị Mỹ N và anh Bùi Thanh P như sau:

2.1. Giao con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/3/2015 và Lê Thị Phương N, sinh ngày 21/5/2017 cho chị Lê Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng*)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003216 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Bùi Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Quan Nam